

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **248/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 27/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiền

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang. Toà án nhân dân thành phố Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03/6/2019, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST – HNGĐ ngày 11/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Nh, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 7 (nay là tổ 5), phường Hưng Thành, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang

** Bị đơn:* Anh **Dương Cảnh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 7 (nay là tổ 5), phường Hưng Thành, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang

Chị Trần Thị Nh có mặt, anh Dương Cảnh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị Nh trình bày: Chị và anh Dương Cảnh T, sinh năm 1985 trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Thành ngày 28/10/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống. Sau khi cưới hai vợ chồng về ở chung cùng gia đình chồng tại tổ 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang, đến tháng 3/2017 vợ chồng thuê nhà ra ở riêng tại phường Minh Xuân, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang. Quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc, đến tháng 10/2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng do anh T có biểu hiện lạnh nhạt với vợ, anh T đi làm ở Việt Trì nhưng cụ thể làm công việc

gì và ở đâu thì không nói cho chị Nh biết, từ khi anh T đi Việt Trì làm thì chị Nh về nhà bác là ông Nguyễn Vũ Phan và bà Trần Lan Phương tại tổ 4 phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang ở. Từ khi anh T đi Việt Trì làm cho đến nay không về thăm chị Nh, vợ chồng cũng không liên lạc hỏi thăm quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn anh Dương Cảnh T.

- Về con chung: Chị Trần Thị Nh xác nhận, chị và anh Dương Cảnh T không có con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị Trần Thị Nh xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai, và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị ly hôn anh Dương Cảnh T.

Anh Dương Cảnh T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiến hành xác minh với: Đại diện tổ dân phố 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh cho thấy: Chị Trần Thị Nh và anh Dương Cảnh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, sau khi kết hôn anh chị ở cùng nhà với bà Nguyễn Thị Xuân (mẹ đẻ của anh Dương Cảnh T) tại số nhà 19 ngõ 412, tổ 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2017 anh chị thuê nhà ra ở riêng tại phường Minh Xuân và đến tháng 10/2018 chị Nh về ở nhờ nhà bác là ông Nguyễn Vũ Phan tại tổ 4, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, anh T đi làm ăn xa còn đi đâu làm gì tổ dân phố không nắm được. Quá trình chung sống tại địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn xô sát gì. Hiện tại anh Dương Cảnh T không có mặt tại địa phương; Anh Dương Cảnh T và chị Trần Thị Nh không có con chung; Về tài sản chung và vay nợ của anh chị tổ dân phố không nắm được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Trần Thị Nh ly hôn anh Dương Cảnh T;

Tuyên quyền kháng cáo bản án của chị Trần Thị Nh và anh Dương Cảnh T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn và có mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Tòa án đã niêm yết công khai các thông báo, văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giao nộp chứng cứ: Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn bản chính và bản sao: Sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân của anh Dương Cảnh T, Chứng minh nhân dân Trần Thị Nh. Tại phiên tòa chị Trần Thị Nh không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Dương Cảnh T đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới anh chị ở cùng nhà với bà Nguyễn Thị Xuân (là mẹ đẻ anh T) tại tổ 7 (nay là tổ 5) phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Anh Dương Cảnh T là lao động tự do, chị Trần Thị Nh làm ở Ban quản lý Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang. Quá trình chung sống những năm đầu hạnh phúc đến năm 2017 anh chị thuê nhà ra ở riêng và từ tháng 10/2018 thì chị Nh về ở nhờ nhà của ông Nguyễn Vũ Phan (là bác chị Nh), anh T đi Việt Trì làm và từ đó không về thăm chị Nh, vợ chồng không còn liên lạc quan tâm đến nữa. Tại phiên tòa chị Trần Thị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Cảnh T. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị Nh và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những căn cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nh.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Nh và anh Dương Cảnh T không có con chung.

[5] Về tài sản chung và vay nợ: Chị Trần Thị Nh và anh Dương Cảnh T không có tài sản chung, không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Nh không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000408 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Trần Thị Nh đã nộp đủ án phí của vụ án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Nh ly hôn anh Dương Cảnh T;

2. Về án phí: chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000408 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Trần Thị Nh đã nộp đủ án phí của vụ án

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/9/2019; Anh Dương Cảnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS TP Tuyên Quang;
- UBND phường Hưng Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

